TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2026/HNGĐ-ST
Ngày 24- 4 -2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Linh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân;
2. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 947/2025/TLST – HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2026/QĐXXST–HNGĐ ngày 03/3/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 85/QĐST- HNGĐ ngày 25/3/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Bé L, sinh năm 1984; địa chỉ: Số nhà A khu phố B phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1983; địa chỉ: Số nhà A, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp tại tòa và lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Phạm Thị Bé L trình bày:

Bà L và ông Nguyễn Thanh T đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển số I, tại UBND xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) ngày 12/01/2011. Sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không tôn trọng nhau, không có tiếng nói chung trong gia đình, không ai quan tâm đến ai. Bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà L và ông Nguyễn Thanh T có 01 con chung tên Nguyễn Bảo N, sinh ngày 21/6/2012. Khi ly hôn bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, bà không yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong suốt quá trình tố tụng, nhưng vắng mặt không lý do, đồng thời cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Bé L.

Ngày 16/01/2026 Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa bà L, ông T tại khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh và được cung cấp như sau: Địa phương không nắm được mâu thuẫn gia đình giữa bà L và ông T do địa phương không được đương sự báo để hòa giải.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thấy mâu thuẫn vợ chồng bà Phạm Thị Bé L và ông Nguyễn Thanh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Phạm Thị Bé L khởi kiện "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" với ông Nguyễn Thanh T hiện đang cư trú tại số nhà A khu phố B phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn bà L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; bị đơn ông T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ các Điều 207, 227 và 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Bé L và ông Nguyễn Thanh T đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển số I, tại UBND xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre ngày 12/01/2011, nên hôn nhân giữa bà L và ông T là hợp pháp.

[2.2] Quá trình tố tụng bà L xác định cuộc sống chung vợ chồng giữa bà và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tôn trọng nhau, không ai quan tâm đến ai. Bà L xác

định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

[2.3] Xét, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích trên vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Bà L xác định quan hệ hôn nhân của bà và ông T có nhiều mâu thuẫn và hiện cả hai đều không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Ông T đã được Tòa án triệu tập làm việc và tham gia hòa giải cũng như tham gia phiên tòa trong vụ án nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không thể hiện ý muốn hòa giải đoàn tụ. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà L, ông T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà L yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống bà L, ông T có 01 con chung tên Nguyễn Bảo N, sinh ngày 21/6/2012. Khi ly hôn bà L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Xét, việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Quá trình tố tụng tại Tòa án, ông T vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý chí mong muốn được nuôi con chung. Tại bản tự khai ngày 21/01/2026 cháu Bảo N có nguyện vọng "muốn ở cùng mẹ". Do vậy, để ổn định cuộc sống của con chung cũng như xét điều kiện thực tế của bà L, cần giao cháu N cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L không yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận ý kiến của bà L.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị Bé L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 227, 228, 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Bé L đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Bé L được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T (Giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển số I, tại UBND xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) ngày 12/01/2011).

- Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Bảo N, sinh ngày 21/6/2012 cho bà Phạm Thị Bé L trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Ông T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, bà Phạm Thị Bé L và ông Nguyễn Thanh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà Phạm Thị Bé L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị Bé L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0050945 ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 16, TP.HCM;
- Phòng THADS khu vực 16, TP.HCM;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

Vũ Linh